

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM ĐÔNG  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST  
Ngày 03-01-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Minh Thước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lại Quốc Trình, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nam Đông.

Ông Vương Văn Vui, Phó chủ tịch UBND xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - HS ngày 20/12/2022 đối với bị cáo:

**Trương Thị Quỳnh Nh**, sinh ngày 24/7/2005 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn KT, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương V, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1985. Chồng, con: Chưa có. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 06/09/2022 cho đến nay. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh:** Bà Nguyễn Thị Sương, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Số 09 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh:** Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**- Bị hại:** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn HH, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Thị Th:* Chị Trương Thị X, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Chị Ngô Hạnh Nh, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trương H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Cháu Trương Gia B, sinh năm 2009 (Chị Nguyễn Thị Thùy L là người giám hộ). Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Thị Kim Ng, sinh 2007 (Chị Trần Thị Th là người giám hộ). Địa chỉ: Thôn HH, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Cháu Huỳnh Văn Q, sinh năm 2008 (Chị Trương Thị S là người giám hộ). Địa chỉ: Thôn KT xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt Nh sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 08/7/2022, Trương Thị Quỳnh Nh cùng với chị Trần Thị Th, sinh năm 1982, trú tại Thôn HH, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, cháu Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 2007 (con ruột chị Th) và một số người thân trong gia đình đi tắm ở suối Cây Sung, Thôn KT, xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến khoảng 13 giờ 20 phút, Trương Thị Quỳnh Nh cùng với cháu Nguyễn Thị Kim Ng trở về nhà ông nội của Nh là ông Trương H, sinh năm 1957, trú tại thôn KT, xã HP. Lúc này, cháu Ng có đem theo túi xách vải màu nâu bên trong có một sợi dây chuyền vàng là tài sản của chị Trần Thị Th về bỏ tại ghế gỗ trước hiên nhà rồi đi tắm. Trương Thị Quỳnh Nh thấy vậy thì cầm túi xách đi vào phòng bếp để trên nắp máy giặt. Lúc này, Nh nảy sinh ý định trộm cắp sợi dây chuyền vàng của chị Th nên lén lút mở túi xách ra lấy sợi dây chuyền bỏ vào túi áo khoác bên trái của mình rồi đi về nhà.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Nh đi đến cửa hàng vàng MT, ở chợ KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế bán sợi dây chuyền vàng cho chị Ngô Hạnh Nh, sinh năm 1978 (chủ cửa hàng vàng MT) được số tiền 17.700.000 đồng. Nh lấy ra 2.500.000 đồng đóng tiền trả góp mua điện thoại, sau đó đến cửa hàng giao dịch Viettel nộp vào tài khoản cá nhân của mình mở tại Ngân hàng Quân đội (MB) số tiền 10.000.000 đồng, trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1985 (mẹ ruột Nh) số tiền 4.100.000 đồng đã mượn trước đó, số tiền còn lại là 1.100.000 đồng Nh cất giữ trong người.

Chị Trần Thị Th sau khi phát hiện mất trộm tài sản đã trình báo Cơ quan Công an xã HP. Do lo sợ nên sáng ngày 09/7/2022, Trương Thị Quỳnh Nh đã thú nhận với chị Nguyễn Thị Thùy L là mình đã lấy trộm sợi dây chuyền vàng của chị Th và đến cây ATM của Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Nam Đông rút số tiền 10.000.000 đồng đưa cho chị L để chộc lại sợi dây chuyền. Chị L đã đến cửa hàng vàng MT mua lại sợi dây chuyền với giá: 18.050.000 đồng. Sau đó, chị L đưa sợi dây chuyền cho cháu Trương Gia B, sinh năm 2009 (là em trai của Nh) đem trả cho chị Th. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Trương Thị Quỳnh Nh đến làm việc và Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Phiếu kết quả thử nghiệm số: 290722.003/TNV234; 290722.004/TNV234 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền vòng cổ kim loại màu vàng dài 47,5 cm, rộng 0,3 cm, có hàm lượng vàng 97,87%, có khối lượng là 11,235g; 01 (một) mặt tượng hình thánh giá kim loại màu vàng, có hàm lượng vàng 98,54%, có khối lượng là 1,886g.

Tại bản Kết luận số: 07/KL-HĐĐGTS, ngày 04/8/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nam Đông kết luận: Giá trị dây chuyền vàng và mặt tượng hình thánh giá vàng tại thời điểm ngày 08/7/2022 là: 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

*\* Vật chứng của vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã thu giữ:*

- 01 (Một) sợi dây chuyền vàng dài 47,5 cm, rộng 0,3 cm, có hàm lượng vàng 97,87%, có khối lượng là 11,235g; 01 (một) mặt tượng hình thánh giá kim loại vàng, có hàm lượng vàng 98,54%, có khối lượng là 1,886g thuộc sở hữu của chị Trần Thị Th;

- 01 (Một) thẻ Ngân hàng Agribank có tên TrươngThị Quỳnh Nh, mã số ghi trên thẻ 9704053000001122.

- 01 (Một) thẻ Ngân hàng MB có tên TrươngThị Quỳnh Nh, mã số ghi trên thẻ 9704229388917499.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Thị Th và bị cáo TrươngThị Quỳnh Nh.

*\* Về dân sự:*

Do chị Trần Thị Th đã nhận lại tài sản bị mất nên Chị Trương Thị X là đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Thị Th không yêu cầu bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh phải bồi thường và đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Thùy L cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả về dân sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Thời điểm

phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi do đó cần áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-NĐ ngày 18/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả về dân sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dưới 18 tuổi, do đó cần áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng thêm Điều 36, 90, 91, 98, 100 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Thị Th và bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về dân sự:

Đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh đồng ý với tội danh của đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, độ tuổi của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo và lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng Nh Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định Nh sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ 20 phút, ngày 08/07/2022, tại nhà ông Trương H, ở thôn KT, xã HP, Huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, Trương Thị Quỳnh Nh đã có hành vi lén lút trộm cắp một sợi dây chuyền vàng có gắn mặt tượng hình thánh giá vàng trị giá 17.500.000 đồng của chị Trần Thị Th. Vì vậy, Trương Thị Quỳnh Nh phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trên của mình về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật Nhng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, biện pháp chấp hành hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả về dân sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dưới 18 tuổi, do đó cần áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của pháp luật.

[5] Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng nào, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng thêm Điều 36 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ; giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì bị cáo phải chịu khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 5% đến 20% để sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của điều luật, ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo là người dưới 18 tuổi, hiện nay nghề nghiệp và thu nhập của bị cáo không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Thùy L và chị Ngô Hạnh Nh không biết tài sản do bị cáo Nh trộm cắp mà có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Thị Th và bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh, chị Th và bị cáo Nh đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.050.000 đồng mà chị đã bỏ ra để mua lại sợi dây chuyền vàng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh cho Ủy ban nhân dân xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Thị Quỳnh Nh phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- CQCSĐT Công an huyện Nam Đông;
- CQTHAHS Công an huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Phú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Minh Thước**